

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2021
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Bà Hoàng Vạn Sinh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Từ Quốc Quyền-c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST–HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th uống rượu về say xỉn đánh đập tôi nhiều lần, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm với anh Th không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho tôi và anh Phạm Văn Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Phạm

Văn L, sinh ngày 10/6/1997 hiện cháu Phạm Văn L đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 nay anh Th xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên thì tôi đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn Th trình bày: Tôi hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D, về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Quá trình chung sống chúng tôi sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D đi buôn chanh dây, hạt điều chung với anh C rồi hai người có tình cảm với nhau và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm với chị D không còn nên tôi đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho tôi và chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 10/6/1997 hiện cháu Phạm Văn L đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 nay tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14, Điều 15, các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn Th là quan hệ vợ chồng, về con chung, giao con chung là cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, mặt khác tại biên bản làm việc bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn Th cũng xác định chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống bà D và ông Th sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th uống rượu về say xỉn đánh đập bà D nhiều lần, sau đó bà D đi buôn chanh dây, hạt điều chung với anh C rồi hai người có tình cảm với nhau nên bà D và ông Th đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Phạm Văn Th là quan hệ vợ chồng là có căn cứ phù hợp với Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Văn L, sinh ngày 10/6/1997 hiện cháu Phạm Văn L đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 nay ông Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên, lời trình bày và yêu cầu của ông Th được bà D chấp nhận, vì vậy xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn Th là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 cho ông Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0018128 ngày 18/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đ;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 – có mặt
Địa chỉ: Thôn 14, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1972 – có mặt;
Địa chỉ: Tổ dân phố Đát Hiếu 5, phường Đát Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU HOÀ GIẢI

Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi sống với nhau hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Thủy uống rượu về say xỉn đánh đập tôi nhiều lần, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, còn việc đi buôn chanh dây, hạt điều tôi đi buôn 7-8 năm nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm với anh Th không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho tôi và anh Phạm Văn Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 10/6/1997 và Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008, hiện cháu Phạm Văn L đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, còn cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 nay anh Th xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên thì tôi đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Văn Th trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô Dương đi buôn chanh dây, hạt điều với anh Cường, trú tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột (tôi không biết cụ thể địa chỉ) rồi hai người có tình cảm với nhau và ở với nhau khoảng 8-9 tháng nay, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm với chị D không còn nên tôi đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho tôi và chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 10/6/1997 và Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008, hiện cháu Phạm Văn L đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phạm Văn V cho đến khi đủ tuổi thành niên vì từ khi chị D bỏ nhà đi tôi đã nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi đồng ý chị D chịu án phí.

NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƯƠNG SỰ

THỐNG NHẤT, KHÔNG THỐNG NHẤT

Các đương sự thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Th đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Văn V, sinh ngày 11/01/2008 cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản: Các bên không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu án phí theo quy định pháp luật.

